français de sammi

Leçon 11

Từ mới

(nm) Phi trường, sân bay : _____

Đại lý du lịch: _____

(nm) Máy lạnh, điều hòa nhiệt độ: _____

Bên bờ…, ven…: _____

(nf) Bản đồ: _____

(nm) Lời khuyên : _____

(nm) Hướng Đông : _____

(nm) Trực thăng : _____

(nf) Đảo : _____

(nm) Ngày : _____

(nf) Biển: _____

(nf) Núi : _____

(nm) Phía Bắc : _____

(nm) Phía Tây : _____

Hoàn hảo : _____

(nf) Bể bơi : _____

(nf) Bãi biển : _____

(nm) Nhà hàng : _____

(nm) Phía Nam: _____

(nf) Ti vi: _____

(nf) Sân hiên, sân thượng, ban công: _____

(nf) Thành phố : _____

(v) Thăm: _____

(nm) Du lịch : _____

(nm) Cuối tuần : _____

Ghi chú :

n : danh từ
a : tính từ
v : động từ
f : giống cái
m : giống đực

LIVEWORKSHEETS